

NGOẠI NGỮ VỚI BAN NGỮ

PHÂN TÍCH LỖI THƯỜNG GẶP KHI PHÁT ÂM CẶP ÂM ĐỐI LẬP ĐỒNG VỊ CỦA SINH VIÊN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

VŨ THỊ MINH PHƯƠNG* - ĐỖ THỊ PHƯƠNG THUY**

TÓM TẮT: Nghiên cứu này đã sử dụng bài kiểm tra phát âm như một công cụ thu thập dữ liệu để tìm hiểu các lỗi sai thường gặp khi phát âm các cặp âm đối lập đồng vị của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Giao thông Vận tải. Kết quả nghiên cứu cho thấy, lỗi phát âm thường gặp nhất xuất hiện ở cặp đối lập đồng vị phụ âm /h/ - /ʔ/ và cặp nguyên âm /æ/ - /ʌ/. Luận giải nguyên nhân gây ra các lỗi sai kể trên có thể kể đến các yếu tố liên ngôn ngữ do ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ và các yếu tố nội ngôn như khái quát hoá quá mức hay ứng dụng chưa hoàn chỉnh các quy tắc ngôn ngữ.

TỪ KHÓA: tiếng Anh; phát âm; cặp âm đối lập đồng vị; lỗi; Trường Đại học Giao thông Vận tải.

NHẬN BÀI: 23/05/2025.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 13/09/2025

1. Mở đầu

Trong số các kỹ năng cần thiết giúp người học sử dụng thành thạo ngôn ngữ tiếng Anh, phát âm là một kỹ năng quan trọng. Nếu người nói phát âm không tốt sẽ khó truyền đạt được thông điệp đến người nghe, khiến cho mục đích giao tiếp mất đi tính hiệu quả. Tuy nhiên đây lại là một kỹ năng khó, đòi hỏi người học phải có phương pháp và sự rèn luyện bền bỉ.

Phương pháp cặp âm đối lập đồng vị đã được nhiều nghiên cứu chứng minh tính hiệu quả trong giảng dạy cũng như thực hành ngữ âm. Cặp âm đối lập đồng vị (minimal pairs) là một cặp từ chỉ khác nhau ở một cặp âm vị (nguyên âm hay phụ âm). Điều này có nghĩa, chúng được phát âm khá giống nhau nhưng lại mang ý nghĩa khác nhau và rất dễ gây nhầm lẫn trong phát âm. Quan sát cho thấy, nhiều sinh viên chưa phân biệt được sự khác nhau trong phát âm các từ có âm thanh tương tự hoặc các cặp âm đối lập đồng vị.

Bài viết này tập trung tìm hiểu những lỗi phát âm mà sinh viên đang gặp phải khi phát âm các đơn vị chiết đoạn trong ngữ âm, đặc biệt là trong phụ âm và nguyên âm. Cụ thể là các cặp âm đối lập đồng vị của 13 phụ âm: /θ/ /t/ /d/ /s/ /z/ /f/ /v/ /k/ /g/ /h/ /ʔ/ /tʃ/ /dʒ/, và 12 nguyên âm: /əʊ/ /eɪ/ /eə/ /ɪə/ /ɪ/ /e/ /i:/ /ɑ:/ /ʌ/ /æ/ /ɒ/ /ɜ:/.

Câu hỏi nghiên cứu: 1/Sinh viên Việt Nam thường mắc phải các lỗi sai nào trong quá trình phát âm các cặp âm đối lập đồng vị?; 2/Các yếu tố nào có ảnh hưởng đến lỗi phát âm của sinh viên khi phát âm các cặp âm đối lập đồng vị?

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khái niệm “phát âm”

Từ điển “Oxford Advanced Learner” (2003) định nghĩa phát âm là cách một ngôn ngữ hoặc một từ hoặc âm thanh cụ thể được phát âm. Theo “Longman Dictionary of Contemporary English” (1996), phát âm là cách một ngôn ngữ hoặc một từ cụ thể được phát âm và cách một người cụ thể phát âm một từ hoặc các từ. Acharya (2010) giải thích rằng, phát âm là việc sử dụng hệ thống âm thanh khi nói và nó bao gồm các nguyên âm, phụ âm, trọng âm, nhịp điệu và nối âm. Theo Yates (2002), phát âm là việc tạo ra âm thanh mà chúng ta sử dụng để tạo ra ý nghĩa bao gồm cả âm thanh cụ thể của ngôn ngữ, các khía cạnh chiết đoạn (segmental) và các khía cạnh siêu chiết đoạn (supra segmental). Điều đó có nghĩa là khi một người truyền đạt thông điệp cho người khác bằng giọng nói của mình, thông điệp đó có thể được người khác tiếp nhận một cách rõ ràng và dễ hiểu.

*Trường Đại học Giao thông Vận tải; Hà Nội; Email: mphuongvu@utc.edu.vn

**Trường Đại học Giao thông Vận tải; Hà Nội; Email: pthuydo@utc.edu.vn

2.2. Các lỗi sai trong phát âm

J. C. Richard (2002) phân loại lỗi phát âm thành hai loại. Lỗi liên ngôn ngữ (interlingual errors) và lỗi nội ngữ (intralingual errors).

a. Lỗi liên ngôn ngữ (interlingual errors):

Lỗi liên ngôn ngữ là lỗi do sự can thiệp của ngôn ngữ mẹ đẻ của người học (còn được gọi là can thiệp ngôn ngữ hay ảnh hưởng ngôn ngữ chéo). Theo đó, người học có xu hướng áp dụng kiến thức ngôn ngữ của họ ở tiếng mẹ đẻ trên một số đặc điểm ngôn ngữ trong ngôn ngữ đích. Nếu ngôn ngữ thứ hai hoặc ngôn ngữ đích có cùng đặc điểm với ngôn ngữ thứ nhất hoặc ngôn ngữ mẹ đẻ hoặc bất kì ngôn ngữ nào đã học trước đó, thì sẽ mang lại một số thuận lợi cho người học ngôn ngữ thứ hai và có thể được gọi là sự chuyển giao tích cực. Tuy nhiên, khi các ngôn ngữ này có một hệ thống khác nhau hoặc các đặc điểm khác nhau, nó thường dẫn đến việc mắc lỗi. Cụ thể:

- Thiếu một số âm vị của ngôn ngữ đích (nguyên âm hoặc phụ âm) trong ngôn ngữ đầu tiên của người học.

- Sự khác biệt tồn tại giữa cấu trúc âm tiết ngôn ngữ thứ nhất và thứ hai có thể gây khó khăn trong phát âm. Trong tiếng Anh có sự xuất hiện của các cụm phụ âm, là sự kết hợp của 2 hoặc 3 phụ âm đơn. Các âm tiết phụ âm có thể đứng trước hoặc sau các âm tiết chính (thường là nguyên âm). Có một số trường hợp cụm phụ âm tồn tại trong tiếng Anh nhưng không tồn tại trong tiếng Việt. Cụ thể: cụm s (s-cluster): sk, scr, sm, sn, str; cụm r (r-cluster): br, cr, scr, dr, gr; cụm l (l-cluster): bl, cl, fl, gl; cụm w (w-cluster): dw, sw, tw, qu. Ví dụ: người Việt thường mắc phải là lỗi giản lược hay xóa bỏ các thành phần trong cụm phụ âm: cụm /scr-/ hay bị giản lược hoá thành /sr-/ hay cụm /str-/ dễ bị phát âm thành /sr-/ hay /st/.

Số lượng phụ âm cuối của tiếng Anh phong phú hơn khá nhiều so với tiếng Việt. Trong khi tiếng Việt chỉ có 6 phụ âm cuối gồm 3 phụ âm mũi /m, n, ŋ/ và 3 phụ âm tắc không thoát hơi /p, k, t/. Tiếng Anh có hàng loạt những âm tiết cuối thường được thoát hơi (âm gió) và cả các cụm phụ âm ở vị trí cuối phức tạp. Điều này dẫn đến, người Việt khi phát âm tiếng Anh thường không phát âm phụ âm cuối hay phát âm sai các phụ âm cuối thoát hơi như: “z”, “s”, “t”, “v”, “ð” và “ks”,... Ví dụ: phụ âm /ð/ trong từ “with” thường được phát âm thành âm /t/ như /wi:t/ thay vì đọc là /wið/.

b. Lỗi nội ngữ (Intralingual Errors)

Đây là những lỗi xuất phát từ quá trình học ngôn ngữ thứ hai mà không liên quan đến sự can thiệp của ngôn ngữ mẹ đẻ. Cụ thể:

- *Khái quát hóa quá mức*: là một quá trình xảy ra khi người học ngôn ngữ thứ hai sử dụng ngôn ngữ đích. Brown (2000) cho rằng, khái quát hóa quá mức là việc áp dụng sai các kiến thức đã học trước đó vào bối cảnh học ngôn ngữ thứ hai hiện tại. Trong khi đó, Richard (2002) giải thích rằng khái quát hóa quá mức bao gồm các trường hợp mà người học tạo ra một cấu trúc lệch chuẩn dựa trên kinh nghiệm của họ với các cấu trúc khác trong ngôn ngữ đích. Khái quát hóa quá mức thường xảy ra với những người học đã có kinh nghiệm học ngôn ngữ thứ hai nhưng có nhận thức không chính xác, dù từ nguồn học liệu hay từ chính quan điểm của họ. Nhận thức sai lệch này trở thành một trong những yếu tố gây ra lỗi trong quá trình học ngôn ngữ thứ hai của họ. Ví dụ: Trong tiếng Anh, hậu tố /s/ được phát âm khác nhau là /s/, /z/ hoặc /ɪz/ tùy vào chữ cái đứng trước nó. Người học không biết quy tắc này có thể phát âm /s/ giống nhau trong mọi trường hợp.

- *Không tuân thủ quy tắc ngữ pháp*: là sự không tuân thủ các quy tắc hiện có, tức là áp dụng quy tắc vào những ngữ cảnh không phù hợp. Đây còn được hiểu là lỗi phát sinh do các ví dụ giảng dạy gây hiểu lầm. Đôi khi, giáo viên giải thích một quy tắc một cách chung chung mà không nhấn mạnh các ngoại lệ hoặc ý nghĩa thực sự mà họ muốn truyền tải. Do đó, kinh nghiệm học ngôn ngữ trước đó có thể góp phần tạo ra những lỗi mà học viên thường xuyên mắc phải (Brown, 2000).

- *Ứng dụng chưa hoàn chỉnh quy tắc*: Sự xuất hiện của các cấu trúc lệch chuẩn phản ánh mức độ quan trọng của các quy tắc cần thiết để tạo ra một phát ngôn chính xác. Ví dụ, trong quá trình biến đổi một câu hoặc cụm từ, có thể xảy ra trường hợp một bước trong chuỗi biến đổi bị bỏ sót hoặc một từ được thêm vào không đúng cách (Coder, 1981). Lỗi này xuất hiện khi người học chưa nắm vững

toàn bộ quy tắc ngữ pháp. Ví dụ: Khi giáo viên yêu cầu học sinh phát âm cụm từ *the trees*, một học sinh có thể nói /de' tri:/ thay vì /de' tri:s/, bỏ mất âm /s/; đây là lỗi do bỏ sót âm (error of omission). Ngược lại, có những trường hợp người học thêm âm vào từ mà không cần thiết, ví dụ: thay vì phát âm *qualify* là /'kwol.i.fai/, họ có thể nói /'kwol.i.faid/, thêm âm /d/ vào cuối từ.

- *Giả định sai về quy tắc*: xuất phát từ sự hiểu sai về cấu trúc của ngôn ngữ đích. Những lỗi này thường là kết quả của quá trình phát triển ngôn ngữ bình thường. Ví dụ: *come* → *comed* (thay vì *came*); *break* → *breaked* (thay vì *broke*).

2.3. Khái niệm “cặp âm đối lập đồng vị”

Cặp âm đối lập đồng vị là hai từ có cách phát âm tương tự nhau nhưng chỉ khác nhau ở một âm duy nhất, và sự khác biệt này làm thay đổi ý nghĩa của từ. Barlow và Geirut (2002) cũng giải thích rằng, cặp âm đối lập đồng vị là một tập hợp các từ khác nhau chỉ bởi một âm vị (*phoneme*), và sự khác biệt này tạo ra ý nghĩa khác nhau. Ngoài ra, hai âm này có thể xuất hiện trong cùng một môi trường âm vị học, tạo ra hai từ khác nhau với ý nghĩa khác nhau. Ví dụ: *map* /mæp/ và *mat* /mæt/ (khác nhau ở phụ âm cuối /p/ và /t/).

Murcia và cộng sự (1996) cũng cho rằng, luyện tập phát âm các cặp âm đối lập đồng vị là một phương pháp rèn luyện giúp người học phân biệt các âm chỉ khác nhau ở một vị trí trong từ. Theo Barlow và Geirut (2002), hiệu quả của phương pháp so sánh các cặp âm thanh trong cặp âm đối lập đồng vị để cải thiện việc phát âm đã được mô tả. Cặp âm đối lập đồng vị là một phần của phương pháp tiếp cận hành vi, trong đó người học được khuyến khích làm quen với ngôn ngữ mà họ đang học. Trong giảng dạy phát âm, phương pháp này giúp tạo ra cách phát âm chính xác và chuẩn mực. Tiếng Anh có nhiều cặp âm đối lập đồng vị cả trong phụ âm và nguyên âm.

Ví dụ về cặp âm đối lập đồng vị với phụ âm: *spy* /spai/ và *sky* /skai/; *cat* /kæt/ và *cape* /kæp/; *pin* /pin/ và *bin* /bin/.

Ví dụ về cặp âm đối lập đồng vị với nguyên âm: *map* /mæp/ và *mop* /mop/; *cap* /kæp/ và *keep* /kip/; *far* /fa:x/ và *fair* /fer/.

Cặp âm đối lập đồng vị giúp học sinh luyện kỹ năng nghe để nhận diện âm thanh trong tiếng Anh và so sánh sự khác biệt giữa chúng, từ đó hiểu được sự khác biệt về nghĩa của từ.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Cách thức tiến hành

- *Đối tượng nghiên cứu*: các lỗi thường gặp khi phát âm các âm đối lập đồng vị của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh và các yếu tố dẫn đến các lỗi sai này.

- *Khách thể nghiên cứu*: Nghiên cứu được tiến hành từ 32 sinh viên năm thứ nhất hệ chính quy ngành Ngôn ngữ Anh, gồm cả nam và nữ, khóa 65, Trường Đại học Giao thông vận tải.

- *Cách thu thập và xử lý tư liệu*:

Lập một danh sách gồm 16 cặp từ chứa các cặp âm đối lập đồng vị nguyên âm và phụ âm.

Sinh viên tham gia khảo sát phát âm các cặp âm này và qua các bài kiểm tra phát âm của sinh viên 9 được ghi âm lại).

Các tệp âm thanh này được xử lý bằng ứng dụng PRAAT để so sánh bản ghi âm của sinh viên với cách phát âm chuẩn của người bản xứ để một lần nữa khẳng định các lỗi sai.

3.2. Kết quả

3.2.1. Các cặp âm phụ âm

Năng lực liên ngôn ngữ của sinh viên trong việc phát âm phụ âm tiếng Anh đã được phản ánh trong các bài kiểm tra phát âm. Có 13 âm phụ âm trong 8 cặp đối lập đồng vị, đó là /θ/ /t/ /d/ /s/ /z/ /f/ /v/ /k/ /g/ /h/ /ʔ/ /tʃ/ /dʒ/ được chọn để phân tích lỗi phát âm phụ âm của sinh viên. Kết quả được thể hiện tổng số trong bảng dưới đây:

Bảng 1. Tỷ lệ phát âm sai các âm phụ âm

Các cặp phụ âm	Tổng số lỗi (%)	Các cặp phụ âm	Tổng số lỗi (%)
k / g	5 (15,6%)	s / θ	14 (43,8%)
θ / z	15 (46,9%)	tʃ / dʒ	18 (56,3%)

s / z	10(31,3%)	f / v	7(21,9%)
h / ʔ	27(84,4%)	t / d	26 (81,3%)

Nhận xét:

Sinh viên gặp nhiều khó khăn khi phân biệt và phát âm cặp âm phụ âm /h/ và /ʔ/ với tỉ lệ mắc lỗi là 84,4% và cặp âm phụ âm mà sinh viên phát âm đúng nhiều nhất là cặp âm /t/ và /d/. Sau đây chúng tôi sẽ đi vào phân tích chi tiết từng cặp âm.

a. Cặp phụ âm [k / g]:

Trong tổng số 32 sinh viên tham gia bài kiểm tra phát âm, có 5 sinh viên phát âm sai cặp âm /k/ - /g/ trong cặp từ “curly” - “girly”. Cách phát âm đúng của cặp từ này là /'kɜ:.li/ - /'gɜ:.li/. Về âm phụ âm, đối với từ “curly”, có 2 sinh viên phát âm sai phụ âm /k/ (âm tắc vô thanh) thành /s/ (âm xát vô thanh). Phụ âm /g/ (âm tắc hữu thanh) hầu hết đều được sinh viên phát âm đúng. Về âm nguyên âm, âm /ɜ:/ (nguyên âm dài) thường bị phát âm sai thành /ə/ (nguyên âm ngắn), hoặc /æ/ và /ʊ/.

b. Cặp phụ âm [θ / z]:

Hai từ đại diện cho cặp âm /θ/ - /z/ được đưa vào bài kiểm tra của sinh viên là “bath” và “bays”. Cách phát âm đúng của hai từ này là /bɑ:θ/ và /beɪz/. Về âm nguyên âm, đối với từ “bath”, nguyên âm /ɑ:/ thường bị phát âm sai thành /e:/ hoặc /a/; đối với từ “bays”, nguyên âm đôi /eɪ/ thường bị phát âm sai thành /aɪ/. Về âm phụ âm, sự phân biệt âm rơi vào hai phụ âm cuối của hai từ. Trong từ “bath”, phụ âm cuối /θ/, vốn là âm xát vô thanh, không được phát âm hoặc bị phát âm sai thành âm tắc vô thanh /t/. Trong từ “bays”, phụ âm cuối /z/ hữu thanh thường bị phát âm sai thành /s/ vô thanh, có một trường hợp phát âm sai phụ âm cuối thành âm /st/.

c. Cặp phụ âm [s / z]:

Trong tổng số 32 sinh viên tham gia bài kiểm tra phát âm, có 10 sinh viên phát âm sai cặp âm /s/ - /z/ trong cặp từ “ice” - “eyes”, chiếm 31,3%. Phiên âm của từ “ice” là /aɪs/, vậy từ này có chứa âm phụ âm /s/ vô thanh. Trong khi đó, từ “eyes” được phiên âm là /aɪz/ có chứa âm phụ âm hữu thanh /z/. Như vậy cặp âm này có sự khác biệt về phát âm ở hai phụ âm cuối. Tất cả 10 sinh viên phát âm sai ở cặp âm này đều không phân biệt được âm vô thanh và hữu thanh /s/ - /z/, dẫn đến việc tất cả các em đều sai ở một điểm chung là phát âm phụ âm /z/ trong từ “eyes” thành âm /s/.

d. Cặp phụ âm [h / ʔ]:

Cặp phụ âm /h/ - /ʔ/ là cặp phụ âm mà sinh viên có tỉ lệ phát âm sai nhiều nhất, chiếm 84,4%. Hai âm này có ba đặc điểm chung: cả hai đều là phụ âm, cả hai đều là âm vô thanh và cả hai đều được hình thành ở thanh quản. Điều đó có nghĩa là chúng có cùng vị trí phát âm và do đó được gọi là âm thanh quản vô thanh, nghĩa là không có sự rung động liên tục của dây thanh quản khi âm thanh được tạo ra. Tuy nhiên, /ʔ/ là âm tắc thanh quản, được hình thành khi dây thanh quản hoàn toàn hạn chế luồng không khí sau đó đột nhiên được giải phóng. Trong khi đó, âm /h/ là âm ma sát thanh quản vô thanh. Ở đây, dây thanh quản thắt chặt luồng không khí một chút và điều này dẫn đến ma sát không khí có thể nghe được, vì vậy nó là âm ma sát. Khi phát âm cặp âm “whore” và “awe” phần lớn sinh viên đều phát âm thành âm rung môi /w/ hoặc không biết cách phát âm thế nào cho đúng. Ngoài ra trong cặp âm này, sinh viên còn phát âm sai âm nguyên âm. Hai từ “whore” và “awe” có chứa hai âm /ɔ:/. Tuy nhiên, sinh viên có xu hướng phát âm âm này thành âm /ə/, âm /u/ hay âm /ʊə/.

e. Cặp phụ âm [s / θ]:

Hai từ đại diện cho cặp âm /s/ - /θ/ được đưa vào bài kiểm tra của sinh viên là “moss” và “moth”. Tỉ lệ phát âm sai cặp âm này là 43,8% tương ứng với 14 sinh viên. Phiên âm đúng của cặp từ này là /mɒs/ và /mɒθ/ với sự khác biệt âm nằm ở phụ âm cuối. Hai âm /s/ và /θ/ đều là âm xát vô thanh, tuy nhiên sự khác biệt nằm ở vị trí cấu âm. Âm /θ/ là âm xát răng trong khi /s/ là âm xát lợi. Khi phát âm âm /θ/, lưỡi cần thè ra và không khí đẩy qua răng. Nhưng đối với âm /s/, chúng ta đẩy không khí ra qua răng mà không thè lưỡi. Lỗi sai sinh viên thường gặp khi phát âm cặp âm này là không phát âm phụ âm cuối /θ/ trong từ “moth” hoặc phát âm sai phụ âm cuối /θ/ thành /t/ hoặc /st/. Ngoài ra, một số sinh viên phát âm sai âm nguyên âm /ɒ/ trong cặp từ thành âm /əʊ/ hoặc âm /aʊ/.

f. Cặp phụ âm [tʃ/ dʒ]:

Trong tổng số 32 sinh viên tham gia bài kiểm tra phát âm, có 18 sinh viên phát âm sai cặp âm /tʃ/ - /dʒ/ trong cặp từ “catch” - “cadge”, chiếm 56,3%. Phiên âm đúng của hai từ này lần lượt là /kætʃ/ và /kædʒ/. Đặc điểm chung của hai phụ âm cuối /tʃ/ - /dʒ/ đó là hai âm này đều là âm tắc xát ngạc lợi. Điểm khác biệt nằm ở vị trí cấu âm. Âm /tʃ/ là âm hữu thanh, tức để phát âm đúng âm này, ta cần chặn luồng không khí bằng đầu lưỡi sau đó nhả ra với lực ma sát có thể nghe được. Trong khi đó, âm /dʒ/ là âm vô thanh với luồng hơi đi ra yếu hơn, đồng thời cổ họng (dây thanh quản) sẽ rung khi phát âm âm này. Lỗi sai thường gặp của sinh viên khi phát âm cặp âm này đó là sự nhầm lẫn giữa hai âm, trong đó âm /dʒ/ bị phát âm thành âm /z/, âm /tʃ/ hoặc âm /t/. Ngoài ra, sinh viên cũng phát âm sai âm nguyên âm trong cặp từ. Âm /æ/ bị phát âm sai thành /e/ hoặc /ɛ/.

g. Cặp phụ âm [f/ v]:

Cặp phụ âm /f/ - /v/ là cặp phụ âm tương đối dễ phát âm đối với sinh viên. Trong tổng số 32 em tham gia khảo sát, chỉ có 7 sinh viên (chiếm 21,9%) phát âm sai cặp âm này. Một số sinh viên phát âm sai từ “starve” do họ nghĩ rằng cặp từ “staff” - “starve” có chung một cách phát âm. Trên thực tế, hai phụ âm /f/ - /v/ đều là âm xát môi răng. Tuy nhiên, /v/ là phụ âm hữu thanh còn /f/ là phụ âm vô thanh. Ngoài ra, không phát âm phụ âm cuối /v/ (sinh viên phát âm /sta:r/ thay vì /sta:v/) cũng là lỗi sai ở sinh. Bên cạnh đó, một số sinh viên phát âm sai âm nguyên âm /ɑ:/ thành /e/.

h. Cặp phụ âm [t/ d]:

Hai từ đại diện cho cặp âm /t/ - /d/ được đưa vào bài kiểm tra của sinh viên là “tear” và “dear”. Cách phát âm đúng của cặp từ này là /teər/ và /deər/. Trên thực tế, khi phát âm cặp từ “tear” và “dear” hầu hết sinh viên đều phát âm đúng cặp âm phụ âm /t/ và /d/ nhưng hầu hết đều sai âm nguyên âm của động từ “tear” /teər/ thành /tɪər/. Nguyên nhân của việc này có thể do sinh viên nhầm lẫn giữa động từ “tear” (xé rách) và danh từ “tear” (nước mắt). Từ này có cách viết giống nhau nhưng khác nhau về cách phát âm ở dạng danh từ và động từ. Điều này thể hiện rằng sinh viên chưa nắm rõ về cặp âm đối lập đồng vị, vốn là những cặp âm có cách phát âm tương tự nhau nhưng chỉ khác nhau ở một âm duy nhất và trong trường hợp này, sự khác biệt duy nhất đó nằm ở cặp phụ âm /t/ - /d/.

3.2.2. Các cặp âm nguyên âm

Nhiều người học tiếng Anh gặp khó khăn về vị trí đặt lưỡi khi phát âm nguyên âm. Nguyên nhân gây ra lỗi phát âm ở nguyên âm là do không có sự tiếp xúc vật lý giữa lưỡi và miệng khi phát âm nguyên âm. Nguyên âm thường nằm ở giữa các âm tiết. Nhóm nghiên cứu đã chọn tám cặp âm đối lập đồng vị có chứa âm nguyên âm. Kết quả nghiên cứu được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 2. Tỷ lệ phát âm sai các âm nguyên âm

Các cặp nguyên âm	Tổng số lỗi (%)	Các cặp nguyên âm	Tổng số lỗi (%)
ɪ / e	4(12,5%)	æ / ʌ	29(90,6%)
ʊ / əʊ	14(43,8%)	ɪə / eə	1(3,1%)
e / ɛ	9(28,1%)	e / æ	10(31,3%)
i: / ɪ	21(65,6%)	ɔ: / ɜ:	3(9,4%)

Nhận xét:

Sinh viên gặp nhiều khó khăn khi phân biệt và phát âm cặp âm nguyên âm /æ/ và /ʌ/ với tỷ lệ mắc lỗi là 90,6% và cặp âm nguyên âm mà sinh viên phát âm đúng nhiều nhất là cặp âm /ɪə/ và /eə/. Sau đây chúng tôi sẽ đi vào phân tích chi tiết từng cặp âm.

a. Cặp nguyên âm [ɪ / e]:

Trong tổng số 32 sinh viên tham gia khảo sát, có 4 sinh viên phát âm sai cặp nguyên âm /ɪ/ - /e/ trong cặp từ “dint” - “dent”. Phát âm đúng của cặp từ này là /dɪnt/ và /dent/. Hai nguyên âm /ɪ/ - /e/ đều là nguyên âm đơn ngắn. Tuy nhiên, có 2 sinh viên đã phát âm từ “dint” là /dant/. Tức âm nguyên âm đơn /ɪ/ đã bị phát âm sai thành nguyên âm đôi /a/. Có một sinh viên phát âm sai từ “dent” là /dɪnt/, tức nguyên âm /e/ đã chuyển thành nguyên âm /ɪ/. Ngoài ra có một sinh viên không biết cách phát âm cặp từ này.

b. Cặp nguyên âm [ɒ / əʊ]:

Hai từ đại diện cho cặp âm /ɒ/ - /əʊ/ được đưa vào bài kiểm tra của sinh viên là “odd” và “owed”. Cách phát âm đúng của cặp từ này là /ɒd/ và /əʊd/. Trên thực tế, đã có 14 sinh viên tham gia khảo sát phát âm sai cặp âm này, chiếm 43,8%, trong đó có 6 sinh viên phát âm sai 1 trong 2 từ và 8 sinh viên phát âm sai cả 2 từ. Với từ “odd”, sinh viên thường phát âm sai nguyên âm đơn /ɒ/ thành nguyên âm đôi /əʊ/; nguyên âm dài /u:/ hoặc nguyên âm dài /ɔ:/. Với từ “owed”, lỗi sai thường gặp là phát âm nguyên âm đôi /əʊ/ thành nguyên âm đơn /ɒ/, nguyên âm dài /ɔ:/. Ngoài ra sinh viên cũng phát âm sai âm phụ âm cuối /d/ thành /nd/ hoặc /n/.

c. Cặp nguyên âm [e / ei]:

Có 9 sinh viên trong tổng số 32 sinh viên tham gia khảo sát phát âm sai cặp nguyên âm /e/ - /ei/ trong cặp từ “well” - “whale”. Cách phát âm đúng của cặp từ này là /wel/ và /weɪl/. 9 sinh viên này đều gặp lỗi sai khi phát âm từ “whale”. Các lỗi sai này xuất phát từ việc phát âm sai nguyên âm đôi /ei/ thành nguyên âm đôi /ʊə/ hoặc nguyên âm đơn /ə/. Có một trường hợp sinh viên không phát âm phụ âm cuối /l/ trong từ “whale”.

d. Cặp nguyên âm [i: / ɪ]:

Kết quả từ bài kiểm tra phát âm cho thấy có 21 trong tổng số 32 sinh viên phát âm sai cặp nguyên âm /i:/ - /ɪ/. Hai từ đại diện cho cặp âm này là “steal” và “still”. Trong trường hợp này, cả hai từ đều chứa hai nguyên âm đơn nhưng khác nhau về cách phát âm. Từ “steal” chứa nguyên âm /i:/ trong khi từ “still” chứa nguyên âm /ɪ/. Hơn một nửa sinh viên tham gia khảo sát (chiếm 65,6%) không nhận biết được sự khác biệt này dẫn đến tình trạng nhầm lẫn /i:/ thành /ɪ/ và ngược lại. Bên cạnh đó, một số sinh viên phát âm sai nguyên âm đơn /i:/ thành nguyên âm đôi /eɪ/ hoặc /ɪə/. Cá biệt, có một sinh viên phát âm “still” thành /steo/.

e. Cặp nguyên âm [æ / ʌ]:

Hai từ đại diện cho cặp âm /æ/ - /ʌ/ được đưa vào bài kiểm tra của sinh viên là “paddle” và “puddle”. Tỷ lệ phát âm sai cặp âm này là 90,6% tương ứng với 29 sinh viên. Phiên âm đúng của cặp từ này là /'pæd.əl/ và /'pʌd.əl/. Với từ “paddle”, có 7 sinh viên phát âm sai. Trong đó, các lỗi đến từ việc phát âm sai nguyên âm /æ/ thành nguyên âm /e/, nguyên âm /ə/, nguyên âm đôi /eɪ/ và nguyên âm dài /ɔ:/. Với từ “puddle”, có 21 sinh viên phát âm sai nguyên âm đơn /ʌ/ thành nguyên âm /u/ và 3 sinh viên phát âm sai thành nguyên âm /ə/. Một số sinh viên sử dụng nguyên âm /æ/ để phát âm cả hai từ “paddle” và “puddle” dẫn đến tình trạng hai từ được phát âm giống hệt nhau.

f. Cặp nguyên âm [ɪə / eə]:

Kết quả từ bài kiểm tra phát âm cho thấy có duy nhất 1 trong tổng số 32 sinh viên phát âm sai cặp nguyên âm /ɪə/ - /eə/ trong cặp từ “hear” và “hair”. Có thể thấy hai từ đại diện cho cặp âm này đã quá quen thuộc với người học, vậy nên tỷ lệ phát âm chính xác cặp từ này chiếm khoảng 97% là điều có thể luận giải được. Sinh viên duy nhất phát âm sai cặp âm này, với lỗi sai như sau: nguyên âm đôi /ɪə/ trong từ “hear” đã bị phát âm sai thành nguyên âm đơn /ə/; trong khi đó nguyên âm đôi /eə/ trong từ “hair” bị phát âm sai thành nguyên âm đơn /e/.

g. Cặp nguyên âm [e / æ]:

Trong tổng số 32 sinh viên tham gia khảo sát, có 10 sinh viên phát âm sai cặp nguyên âm /e/ - /æ/ trong cặp từ “men” - “man”, chiếm 31,3%. Phát âm đúng của cặp từ này là /men/ và /mæn/. Trong trường hợp này, cả hai từ đều chứa hai nguyên âm đơn nhưng khác nhau về cách phát âm. Từ “men” chứa nguyên âm /e/ trong khi từ “man” chứa nguyên âm /æ/. Lỗi sai thường gặp của sinh viên khi phát âm cặp từ này là do nguyên âm đơn /æ/ bị phát âm sai thành nguyên âm /e/ với tần suất 7/10 sinh viên mắc lỗi. Ngoài ra /æ/ còn bị phát âm sai thành /ə/ hoặc /eɪ/. Cá biệt có một trường hợp sinh viên phát âm sai do thêm phụ âm /t/ vào âm cuối.

h. Cặp nguyên âm [ɔ: / ɜ:]:

Cặp nguyên âm đôi lập đồng vị cuối cùng được đưa vào khảo sát là cặp âm /ɔ:/ - /ɜ:/ với cặp từ đại diện là “torn” - “turn”. Có 3 sinh viên trong tổng số 32 sinh viên tham gia khảo sát phát âm sai cặp âm này, chiếm 9,4%. Trong các trường hợp phát âm sai, âm /ɔ:/ trong từ “torn” đã bị phát âm thành

âm /ɜ:/ và âm /ə/. Trong khi đó, âm /ɜ:/ của từ “turn” là một nguyên âm dài đã bị phát âm sai thành nguyên âm ngắn /ə/ hoặc /u:/.

3.3. Thảo luận

3.3.1. Các lỗi sai của sinh viên khi phát âm các cặp âm đối lập đồng vị

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, sinh viên gặp khó khăn trong việc phát âm các cặp âm đối lập đồng vị đối với cả âm phụ âm và âm nguyên âm. Đối với các âm phụ âm, kết quả bài kiểm tra phát âm đã thể hiện rằng, lỗi sai phát âm của sinh viên có thể được nhóm thành hai loại chính: sai do chưa phân biệt được cách thức và vị trí cấu âm của âm thanh và sai do chưa phân biệt được âm hữu thanh và âm vô thanh. Với lỗi sai do chưa phân biệt được cách thức và vị trí cấu âm của âm thanh, có thể kể đến các trường hợp xảy ra ở các cặp âm: /h/ - /ʔ/, /k/ - /g/ và /s/ - /θ/. Với các lỗi sai xuất phát từ sự nhầm lẫn giữa âm hữu thanh - âm vô thanh, có thể kể đến trường hợp các cặp âm: /θ/ - /z/, /s/ - /z/, /tʃ/ - /dʒ/, /f/ - /v/.

Đối với các âm nguyên âm, kết quả bài kiểm tra phát âm đã thể hiện rằng, lỗi sai phát âm của sinh viên có thể được nhóm thành hai loại chính: chưa phân biệt được nguyên âm ngắn - nguyên âm dài, chưa phân biệt được nguyên âm đơn - nguyên âm đôi và nhầm lẫn âm. Với lỗi sai do chưa phân biệt được nguyên âm ngắn - nguyên âm dài có thể kể đến các trường hợp xảy ra ở các cặp âm: /i:/ - /ɪ/, /ɔ:/ - /ɜ:/. Với lỗi sai do chưa phân biệt được nguyên âm đơn - nguyên âm đôi có thể kể đến các trường hợp xảy ra ở các cặp âm: /i:/ - /ɪ/, /ɪ/ - /e/, /ʊ/ - /əʊ/, /e/ - /ei/, /ɪə/ - /eə/. Với lỗi sai do nhầm lẫn âm có thể kể đến các trường hợp xảy ra ở các cặp âm: /ɪ/ - /e/, /æ/ - /ʌ/, /e/ - /æ/, /ɔ:/ - /ɜ:/>

3.3.2. Nguyên nhân gây lỗi

Từ kết quả phân tích trên, nhóm nghiên cứu đã tổng hợp và phân loại các yếu tố gây ra lỗi phát âm của sinh viên thành các nhóm như sau:

(i) Lỗi liên ngôn ngữ

Như đã đề cập trong mục 1, lỗi liên ngôn ngữ là các lỗi do sự can thiệp của tiếng mẹ đẻ hoặc ngôn ngữ bản xứ của người học. Có mối tương quan mạnh mẽ giữa ngôn ngữ bản xứ của người học và ngôn ngữ đích khiến hai ngôn ngữ này đan xen vào nhau. Nói cách khác, việc so sánh hệ thống ngôn ngữ trong tiếng Anh với tiếng Việt và áp dụng chúng trong việc học tiếng Anh đã gây ra những cản trở nhất định đối với người học. Minh chứng cho điều này là các lỗi sinh viên gặp phải chủ yếu xảy ra ở những âm không tồn tại trong tiếng Việt.

Mặc dù tiếng Việt có phụ âm cuối, nhưng chúng thường không bao giờ được phát âm hoặc nghe thấy. Đó là lí do tại sao người Việt Nam học tiếng Anh thường bỏ phụ âm cuối của các từ trong tiếng Anh hoặc phát âm sai các phụ âm cuối thoát hơi như /z/, /s/, /f/, /t/, /v/, ... Bằng chứng có thể thấy ở các cặp âm /s/ - /z/ như “ice” - “eyes”, /f/ - /v/ như “staff” - “starve”, /θ/ - /z/ như “bath” - “bays” sinh viên đều phát âm sai các cặp phụ âm cuối rất nhiều. Hơn nữa, một số âm có trong tiếng Anh nhưng không có trong tiếng Việt. Có thể kể đến các âm như: /θ/, /ð/, /tʃ/, /dʒ/, /æ/... Trong trường hợp từ “moth”, âm vô thanh /θ/ không tồn tại trong tiếng Việt, do đó một số sinh viên đã thay đổi phụ âm /θ/, vốn là âm xát thành âm /t/ là âm tắc. Cũng cần nói thêm rằng trong hệ thống phụ âm tiếng Việt không có âm tắc xát. Do đó, không khó để hiểu lý do tại sao sinh viên phát âm từ “cadge” /kædʒ/ thành /kæz/ hoặc /kæt/. Thêm vào đó, các phụ âm p, t, k trong tiếng Việt thường không được bật hơi. Trong tiếng Việt có phụ âm bật hơi /t/ nhưng cách thể hiện của nó không giống với phụ âm bật hơi tương ứng trong tiếng Anh. Khi /t/ đứng ở vị trí phụ âm đầu chúng ta nghe như thể cả /t/ và /h/ đều có liên quan và được kết nối ngay lập tức. Do đó, khi sinh viên phát âm từ “tear”, phụ âm /t/ trong tiếng Anh rất dễ nhầm sang phụ âm /t/ trong tiếng Việt.

Về các âm nguyên âm, tiếng Việt không có sự phân biệt rõ ràng giữa nguyên âm ngắn và nguyên âm dài. Do đó, người học tiếng Anh thường có xu hướng không mấy để tâm đến trường độ của các âm nguyên âm. Bằng chứng có thể thấy ở cặp nguyên âm /i:/ - /ɪ/ trong hai từ “steal” và “still”, hơn một nửa sinh viên tham gia khảo sát (chiếm 65,6%) nhầm lẫn /i:/ thành /ɪ/ và ngược lại.

Từ những lập luận trên có thể thấy rằng, người học thường phát âm sai những âm không có trong hệ thống âm vị của tiếng mẹ đẻ và họ có xu hướng thay thế những âm này thành những âm gần giống

với tiếng mẹ đẻ của mình. Nói cách khác, các lỗi sai này đến từ sự khác biệt giữa ngôn ngữ mẹ đẻ và ngôn ngữ đích.

(ii) *Lỗi nội ngữ*

Lỗi nội ngữ là những vấn đề nội tại trong việc học ngôn ngữ thứ hai, hay những lỗi xuất phát từ quá trình học ngôn ngữ thứ hai mà những điều này không có sự can thiệp của ngôn ngữ mẹ đẻ. Sau khi phân tích các lỗi sai phát âm của sinh viên, chúng tôi đã tìm thấy nguyên nhân gây ra những lỗi sai này trong phạm trù lỗi nội ngữ như sau:

- *Lỗi khái quát hoá quá mức*: bao gồm các trường hợp mà người học tạo ra một cấu trúc lệch lạc dựa trên kinh nghiệm của mình về các cấu trúc khác trong ngôn ngữ đích. Dựa trên dữ liệu từ bài kiểm tra phát âm của sinh viên, lỗi này thường xảy ra khi sinh viên phát âm từ “bays” và “eyes”. Trong tiếng Anh, hậu tố “s” được phát âm khác nhau là /s/, /z/ hoặc /ɪz/ tùy vào chữ cái đứng trước nó. Người học không biết quy tắc này có thể phát âm /s/ giống nhau trong mọi trường hợp.

- *Lỗi ứng dụng chưa hoàn chỉnh*: xuất hiện khi người học chưa nắm vững toàn bộ quy tắc ngữ pháp của ngôn ngữ. Trong quá trình ứng dụng ngôn ngữ, có thể xảy ra trường hợp người học tự ý bỏ sót hoặc thêm vào một yếu tố nào đó không đúng quy định. Trong quá trình phân tích dữ liệu từ bài kiểm tra phát âm của sinh viên, nhà nghiên cứu phát hiện ra rằng, sinh viên mắc lỗi bỏ sót như phát âm từ “bath” /bɑ:θ/ thành /bat/ (tức bỏ sót âm /θ/) hoặc từ “whore” /hɔ:r/ được phát âm thành /ɔ:/ (bỏ sót âm /h/). Ngoài ra việc tuy tiện thêm âm tiết cũng phổ biến trong sinh viên. Ví dụ, hai từ “men” - “man” được phát âm thành /ment/ - /mənt/ (tức thêm phụ âm /t/) hoặc từ “moss” được phát âm thành /mɒst/ (tức thêm phụ âm /t/).

4. Kết luận

Từ việc phân tích dữ liệu nghiên cứu, nhóm nghiên cứu nhận thấy rằng sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Giao thông vận tải vẫn còn gặp phải một số lỗi sai cũng như khó khăn trong cách phát âm. Đối với cặp âm đối lập đồng vị phụ âm, lỗi phát âm thường gặp nhất xuất hiện ở cặp âm /h/ và /ʔ/ với tỉ lệ 84,4% sinh viên phát âm sai. Sau đó là cặp âm /tʃ/ - /dʒ/ với tỉ lệ 56,3% sinh viên phát âm sai. Ngược lại, cặp âm đồng vị phụ âm mà sinh viên phát âm đúng nhiều nhất là cặp âm /k/ và /g/ với tỉ lệ phát âm đúng là 84,4%. Trong khi đó, đối với các âm nguyên âm, lỗi sai nhiều nhất xảy ra ở cặp nguyên âm đơn /æ/ - /ʌ/ với tỉ lệ 90,6% sinh viên mắc lỗi. Kế đó là cặp âm /i:/ - /ɪ/ với tỉ lệ 65,6% sinh viên mắc lỗi. Cặp nguyên âm đối lập đồng vị được sinh viên phát âm đúng nhiều nhất là cặp /ɪə/ - /eə/ với duy nhất 1 sinh viên mắc lỗi, tỉ lệ phát âm đúng là 96,9%.

Nguyên nhân gây ra lỗi phát âm cặp âm đối lập đồng vị của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh được chia thành hai loại: (i) lỗi liên ngôn ngữ hay lỗi tham chiếu ngôn ngữ mẹ đẻ của sinh viên và (ii) lỗi nội ngữ. Lỗi liên ngôn ngữ xảy ra do sự chuyển giao tiêu cực từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích. Việc thiếu kiến thức về ngôn ngữ tiếng Anh và thực tế một số âm nhất định trong tiếng Anh không tồn tại trong tiếng Việt cũng được xác định là nguyên nhân gây ra lỗi phát âm cặp âm đối lập đồng vị của sinh viên.

**Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Giao thông vận tải trong đề tài mã số T2025-CB-003.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Acharya, T. (2010), Teaching pronunciation. *Circle of English Teacher*, 2(2), 86–90.
2. Ashby, M., & Maidment, J. (2005), *Introducing phonetic science*. Cambridge University Press.
3. Barlow, J. A., & Gierut, J. A. (2002), Minimal pair approaches to phonological remediation. *Seminars in Speech and Language*, 23(1), 58.
4. Barlow, J. A., & Gierut, J. A. (2002), Minimal pair approaches to phonological remediation. *Seminars in Speech and Language*, 23(1), 58.
5. Brown, H. D. (2000), *Principles of language teaching and learning* (4th ed.). Addison Wesley Longman, Inc.

6. Celce-Murcia, M., Brinton, D. M., & Goodwin, J. M. (1996), *Teaching pronunciation: A reference for teachers of English to speakers of other languages*. Cambridge University Press.
7. Corder, S. P. (1981), *Error analysis and interlingual*. Oxford University Press.
8. Duong, T., & Nu, T. (2009), Mistake or Vietnamese English. *VNU Journal of Science, Foreign Languages*, 25, 41-50.
9. Nur, I. (2018), The use of minimal pair technique in teaching pronunciation at the second-year students of SMAN 4 Bantimurung (Skripsi Universitas Islam Negeri Alauddin Makassar). (p.276).
10. Richard, J. C. (2002), *Dictionary of language teaching and applied linguistics* (3rd ed.). Longman.
11. Risdianto, F. (2017), A phonological analysis on the English consonants of Sundanese EFL speakers. *Jurnal Arbitrer*, 4, 27-37.
12. Suryatiningsih, N. (2015), A study on the students' ability in pronouncing diphthongs at STKIP PGRI Pasuruan. *Jurnal Dimensi Pendidikan dan Pembelajaran*, 3(2), 1-4.
13. Tajima, K., & Port, R. F. (2002), Speech rhythm in English and Japanese. *IULC Working Papers*, 2(2).
14. Thảo, Đ. T. P., & Oanh, T. T. T. (2020), Pronunciation errors in minimal pairs /p/-/b/, /t/-/d/, /tʃ/-/dʒ/: A case of junior high school students at Victory School. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ-Đại học Đà Nẵng*, 103-107.
15. Tuan, L. T. (2010), Teaching English discreet sounds through minimal pairs. *Journal of Language Teaching and Research*.
16. Wahdati, S. (2016), Students' error in pronouncing consonant minimal pairs. *Education Department, Faculty of Tarbiyah and Teachers Training*.
17. Yates, L. (2002), Fact sheet—What is pronunciation. *AMEP Research Centre*. Sydney.

**An analysis of mispronounced English minimal pairs by English language students
at the University of Transport and Communications**

Abstract: This study used a pronunciation test as a data collection tool to investigate common errors in pronouncing minimal pairs of English language students at the University of Transport and Communications. The results of the study showed that the most common pronunciation errors occurred in the consonant pairs /h/ - /ʔ/ and the vowel pairs /æ/ - /ʌ/. The causes of the above errors can be explained by interlingual factors due to the influence of the mother tongue and intralingual factors such as overgeneralization or incomplete application of language rules.

Key words: English; pronunciation; minimal pairs; errors; University of Transport and Communications